

# Tìm hiểu một số từ Nôm cổ trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi

Thế Anh  
Hà Nội

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm  
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004  
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Trong các tác phẩm viết bằng chữ Nôm còn lại đến hôm nay như *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*, *Truyền kỳ mạn lục giải âm*, *Thiên Nam ngữ lục*... thì *Quốc âm thi tập* (QATT) của Nguyễn Trãi giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và vô cùng quý giá, bởi đây là một tập thơ gần như trọn vẹn ghi lại lời ăn tiếng nói của ông cha ta cách đây ngót năm thế kỷ. Việc nghiên cứu và giải mã cuốn sách sẽ giúp chúng ta hiểu được ảnh hưởng của thơ văn chữ Hán và ngữ pháp tiếng Hán đối với tiếng Việt cổ, cũng như lối trực dịch của người xưa rất xa lạ đối với lớp người đương đại góp phần tìm hiểu sự hình thành ngôn ngữ văn học, tiếng Việt và chữ Việt trong quá khứ, làm cho nền văn học và ngôn ngữ dân tộc ngày thêm phong phú và đa dạng.

Chính vì lẽ nên gần nửa thế kỷ nay lớp lớp những nhà nghiên cứu có trình độ Hán học uyên thâm và có nhiều tâm huyết với nền văn học nước nhà như Trần Văn Giáp, Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh... đã dày công nghiên cứu, phiên âm và chú giải thơ Nguyễn Trãi. Tiếp tục công việc của những người đi trước, trung tâm nghiên cứu quốc học đã cho ra mắt bộ *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*<sup>1</sup>. Đây là một bộ sách biên soạn công phu và nghiêm túc. Riêng về phần *Quốc âm thi tập* (tập 3) gần 800 trang có kèm theo nguyên bản (Phúc Khê tàng bản 1868) giúp cho người đọc dễ dàng đối chiếu và tìm hiểu tác phẩm.

Những người biên soạn đã đứng trên quan điểm ngôn ngữ lịch đại để nghiên cứu và giải quyết được nhiều vấn đề về phiên âm, chú giải mà những người đi trước chưa thực hiện được. Ví dụ chữ “cươp” và “ốc” trong bài 195... hoặc những trường hợp chữ Nôm được ghi bằng hai mã chữ. Có những trường hợp trước đây còn tồn nghi hoặc chỉ phỏng đoán theo văn cảnh thì lần này cũng đã tìm được lời giải đáp đáng tin cậy. Đó là những đóng góp mới của nhóm biên soạn cần được ghi nhận.

Để góp phần tìm hiểu thơ Nôm Nguyễn Trãi chúng tôi xin có một vài ý kiến nhỏ về vấn đề chữ nghĩa trong một số trường hợp cụ thể theo thiên ý của mình.

\* Đó là chữ “*xuyt ải*” (綴隘) trong câu:

Đòi thuở khó khăn chăng *xuyt ải*,  
Thấy nơi xao sác đã mảy nê (bài 79).

---

<sup>1</sup> *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Nhà xuất bản Văn học, 2000.

Nhóm biên soạn đã dẫn chứng lời giải của Đào Duy Anh và Paul Schneider là “xuýt xoa, phàn nàn” và không nhận xét gì thêm. Bùi Văn Nguyên thì phiên âm là “chút oải” và giải thích là “mệt mỏi”, còn Trần Văn Giáp thì lại phiên âm là “chút ngại”. Theo chúng tôi thì phiên âm *xuýt ái* là chính xác (âm Hán Việt của “xuýt” là “xuyết”). Trong *Truyện kỳ mạn lục giải âm* Nguyễn Thế Nghi đã dùng từ *xuýt* hai lần với nghĩa trên để dịch câu *Khứ bản tỵ phú thiếp diệc hề từ* (去贫就富妾亦奚辞. Bỏ chôn khó tới chôn giàu thiếp lại *xuýt* chi. Theo ngôn ngữ hiện đại thì có thể dịch. “... bỏ nghèo theo giàu thiếp lẽ đâu từ *chối*”. Khoái Châu nghĩa phụ truyện) và câu *Lao từ vật hứa dã* (牢辞勿许也. Dầu bền *xuýt* chớ cho vậy. Câu này có thể diễn đạt “... dù từ *chối* cũng đừng nghe”. *Đông Triều phú tự lục*). Còn chữ *ái* trong tập hợp từ này theo chúng tôi cũng có chung một nét nghĩa với *xuýt*. Trong *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tự có câu:

Dờ bề *chối ái*, dờ bề mách mao.

Từ những dẫn chứng trên, chữ *xuýt ái* với nghĩa là *từ chối* rất phù hợp với ý nghĩa của câu thơ.

\* Trường hợp chữ 伴 trong câu:

Hoa nhân rằng đeo danh ắn dật.

Thức còn thông 伴 khách văn chung (bài 216)

Nhóm biên soạn phiên âm chữ 伴 là *bạn* và lập luận rằng nếu phiên âm là *bạn* thì không đối được với động từ *đeo* ở vế trên. Theo chúng tôi phiên âm là *bạn* hợp lý hơn, vừa đúng mặt chữ vừa thông nghĩa cả bài thơ, ở đây ta có thể hiểu một cách linh hoạt *bạn* là *làm bạn* (động từ). Còn nếu là *bạn* thì phải viết 伴 (bài 12) hoặc đọc là *bị* trong cụm từ *bị rịn* (絆 練) ở bài 55, và nghĩa của hai câu thơ trên đây là “Dù hoa tự xưng là hoa ắn dật, nhưng màu sắc vẫn còn đủ để *làm bạn* với khách văn chương”. Chữ *thông* trong câu thơ trên có nghĩa là *đủ*.

\* Chữ *địch* (迺) trong ba trường hợp sau đây chúng tôi có ba sắc thái ngữ nghĩa khác nhau:

1. Đột xung biếng tới áng can qua,  
*Địch* lều ta dưỡng tính ta (bài 18)

*Địch* ở đây là *đến* đúng như cách giải thích của nhóm biên soạn.

2. Say mình nguyệt chè ba chén,  
*Địch* thanh phong lều một căn (bài 27).

*Địch* trong tiếng Hán còn có nghĩa là *lấy, dùng*, và ta có thể hiểu câu này là: Uống ba chén chè và say sưa ngắm vùng trăng sáng, Sống trong căn lều đơn sơ và thưởng thức làn gió mát.

3. An lạc một lều dầu *địch*,  
Thái bình mười chức ngại dâng (bài 161)

*Địch* trong câu này có thể hiểu là *hạnh phúc, vận may* (theo *Tối tân thực dụng hán Anh tân từ điển* do Lương Thực Thu chủ biên. Đài Bắc 1972).

\* Chữ *nặng nõ* (能 某) trong câu *Nặng nõ sơn tăng làm bạn ngâm* (Ngôn chí IV) nhóm biên soạn giải thích là “có thể gặp được vị sơn tăng nào (làm bạn ngâm thơ)”. Theo chúng tôi chữ *nặng* ở đây không phải là *có thể*, chữ *nõ* không phải là *nào đấy*. Chữ *nặng* dùng để chỉ hành động thường xuyên, lặp đi lặp lại. Trong tục ngữ ca dao Việt Nam có những câu:

Năng đến thì thân.  
Năng ăn hay đói, năng nói hay nhảm.

Hoặc

Năng mưa thì giếng năng đầy,  
Anh năng đi lại mẹ thầy năng thương

\* Chữ *mỗ* ở đây là *mỗi một*.

Đại ý câu thơ trên đây có nghĩa là *Chỉ có một nhà sư trên núi thường xuyên lui tới làm bạn ngâm thơ vịnh với tác giả*.

Trong QATT Nguyễn Trãi đã dùng chữ *mỗ* đến hàng chục lần với ý nghĩa là *một*:

Xênh xang làm *mỗ* đũa quan nhân (Mạn thuật XI)

(tức là làm một đũa nhà què)

Người sinh ra ở thế *mỗ* nhàn thay (Trần tình IX)

(Người sinh ở đời chỉ có một chữ nhàn là quý)

Chữ *nhàn* trong câu này nhóm biên soạn phiên âm là *hèn*. Do không giải thích được chữ *mỗ* nên câu *Thoi nhật nguyệt đưa qua mỗ phút* (Tự thán XV) nhóm biên soạn đã phiên âm chữ *mỗ* thành chữ *máy*.

\* Chữ *để* (底) *Đã máy thu nay để lệ nhà* (Ngôn chí VII) nhóm biên soạn không giải thích. *Để* ở đây có nghĩa là bỏ. Trước cách mạng tháng 8 từ này được dùng phổ biến ở vùng Nghệ Tĩnh (để vợ - tức ly dị vợ, bỏ vợ). Câu này có nghĩa là *Máy năm nay lệ thói của gia đình đã bị bỏ*.

Trong thơ Quốc âm Nguyễn Trãi có rất nhiều câu 6 chữ, thậm chí 5 chữ xen kẽ (bài 182) với nhau, nhưng đối với những câu thực (câu 3-4) và câu luận (câu 5-6) thì số chữ trong câu không được so le vì phải bảo đảm vấn đề đối xứng. Do đó hai câu luận trong bài 36 hoặc thừa, hoặc thiếu một chữ.

Con mắt *họa* (theo phiên âm của nhóm biên soạn) xanh đầu dễ bạc,  
Lung khôn uốn lộc nên từ.

Câu trên 7 chữ và câu dưới 6 chữ không thể đối với nhau được. Nếu bỏ bớt chữ *con* ở câu trên thì hai vế đối nhau rất chỉnh:

Mắt *hòa* xanh đầu dễ bạc,  
Lung khôn uốn lộc nên từ.

Chữ 和 theo chúng tôi, nên phiên âm là *hòa* có nghĩa là *đổi ra* (theo Trung Hoa cổ Hán ngữ từ điển) và ý của hai câu thơ trên là:

Nếu con mắt tinh đời (đổi ra màu xanh) thì đầu màu bạc,  
Đã không biết khom lưng nịnh bợ thì bông lộc cũng nên từ.

Đọc thơ Nôm của Nguyễn Trãi chúng ta gặp không ít khó khăn, đó là vấn đề tam sao thất bản, từ ngữ quá cổ rất xa lạ với thời đại chúng ta, nhiều câu văn tối nghĩa mỗi người hiểu một cách, giải thích một kiểu. Cụ thể như từ *song viết* đã có đến gần chục lần lặp đi lặp lại trong QATT và trong vòng mấy chục năm nay đã có nhiều học giả, giáo sư, nhà nghiên cứu... đưa ra nhiều kiến giải và lập luận, nhưng đến nay vẫn còn là một ẩn số.

Trên đây là một vài ý kiến và nhận thức của chúng tôi đối với một số trường hợp cụ thể trong khi tìm hiểu thơ quốc âm Nguyễn Trãi, chắc hẳn còn có chỗ chủ quan và bất cập, rất mong được các nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề này trao đổi thêm.

---

Thế Anh  
Phòng 101/A1 Tập thể ĐH Ngoại thương Hà Nội  
Láng Thượng – Đống Đa  
Điện thoại: (04) 835 6943